TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 463/2024/DS-PT
Ngày 04-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2921/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Hồ Thị P, sinh năm 1947;

Địa chỉ: 9 ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

1.2. Chị Ngô Hồng Như N, sinh năm 1996;

1.3. Chị Ngô Hồng Ngọc N1, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: số B, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh N2, sinh năm 1991. Địa chỉ: số B, ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị N3, sinh năm 1968;

2.2. Anh Nguyễn Trần Minh N4, sinh năm 1998;

2.3. Anh Nguyễn Trần Nhựt N5, sinh năm 2000;

2.4. Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: số B, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Anh Lê Hữu T1, sinh năm 1984. Địa chỉ: số E, ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị N3, anh Nguyễn Trần Minh N4, anh Nguyễn Trần Nhựt N5, chị Nguyễn Thị Kim C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N1 trình bày:

Bà Đặng Thị Hồng H (đã chết ngày 25/5/2023) có mẹ là bà Hồ Thị P, con là chị Ngô Hồng Như N và chị Ngô Hồng Ngọc N1. Cha của bà H là ông Đặng Văn P1 chết ngày 12/11/2020; bà H có chồng là ông Ngô Văn T2 nhưng đã ly hôn vào năm 2016. Trước khi chết, bà H không có đăng ký kết hôn với ai. Bà H không có con riêng, con nuôi nào khác.

Ngày 10/5/2022, bà H có cho các bị đơn bà Trần Thị N3, anh Nguyễn Trần Minh N4, anh Nguyễn Trần Nhựt N5, chị Nguyễn Thị Kim C vay tiền gồm khoản vay 3.880.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 30.000.000 đồng/tháng và khoản vay 415.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất vay, hai khoản vay đều thỏa thuận thời hạn trả là 03 tháng, mục đích vay để thu mua tôm thịt. Hết hạn 03 tháng (10/8/2022), gia đình bà H nhiều lần yêu cầu các bị đơn trả tiền nhưng các bị đơn chỉ trả 260.000.000 đồng cho khoản vay 415.000.000 đồng gồm 250.000.000 đồng trả vào ngày 23/6/2022 và 10.000.000 đồng trả vào ngày 20/8/2022. Từ ngày 20/8/2022 đến nay các bị đơn không trả tiền lãi, tiền vay cho gia đình bà H.

Tại sổ sách của bà H thì có ghi "chị P2" do bà N3 là vợ của ông P2 nên bà H ghi "chị P2" chứ thực tế là bà N3. Việc bị đơn cho rằng ngày 11/7/2022 anh N4, chị C đã chuyển khoản trả 2.000.000.000 đồng cho khoản vay 3.880.000.000 đồng ngày 10/5/2022 là không chính xác, số tiền chuyển khoản này là trả cho khoản vay 1.950.000.000 đồng, độc lập với các khoản vay theo giấy Biên nhận nguyên đơn đang khởi kiện. Đối với số tiền 1.950.000.000 đồng phía bị đơn vay với mục đích

trả ngân hàng, theo bản chụp từ tin nhắn của bà H thì bà H cho bà N3 vay các lần như sau:

- Ngày 26/5/2022 (nhằm ngày 26/4/2022 âm lịch) gia đình bà N3 vay 600.000.000 đồng, bà H có gửi tin nhắn vào nhóm gia đình để ghi chú: "Phong tôm m H 500tr + mượn D 100tr = 600tr", có ảnh chụp màn hình tin nhắn vào nhóm gia đình ghi chú lại. Lãi tính đến ngày 13/6/2022 (47 ngày) là 56.400.000 đồng.

- Ngày 08/6/2022 (nhằm ngày 10/5/2022 âm lịch) gia đình bà N3 vay 150.000.000 đồng tiền mặt và bà H chuyển khoản vào số tài khoản bà Trần Thị N3 500.000.000 đồng. Thông tin hai khoản vay này được nhắn vào nhóm gia đình ghi chú lại với nội dung: "chị P2 mượn 150tr" và "P2 tôm m 500tr" phù hợp với chứng từ chuyển khoản tại ngân hàng A ngày 08/6/2022. Tiền lãi tính đến ngày 13/6/2022 (33 ngày) của khoản vay 150.000.000 đồng là 9.900.000 đồng, của khoản vay 500.000.000 đồng là 33.000.000 đồng.

- Ngày 09/6/2022 (nhằm ngày 11/5/2022 âm lịch) gia đình bà N3 vay 250.000.000 đồng, bà H chuyển khoản vào số tài khoản A của bà Trần Thị N3 250.000.000 đồng có sao kê kèm theo phù hợp với tin nhắn zalo vào nhóm gia đình để ghi chú. Tiền lãi tính đến ngày 13/6/2022 (32 ngày) là 16.000.000 đồng.

- Ngày 10/6/2022 (nhằm ngày 12/5/2022 âm lịch) gia đình bà N3 vay 400.000.000 đồng tiền mặt và 50.000.000 đồng chuyển khoản vào số tài khoản của chị Nguyễn Thị Kim C. Tổng cộng tiền gia đình bà N3 vay trả nợ ngân hàng vào ngày 10/6/2022 là 450.000.000 đồng, cùng ngày bà H còn cho bà N3 vay 300.000.000 đồng nhưng số tiền này đã được con dâu bà N3 là chị Nguyễn Thị Kim C chuyển khoản trả vào ngày 17/6/2022 (nhằm ngày 19/5/2022 âm lịch). Việc này phù hợp với tin nhắn bà H gửi vào nhóm gia đình để ghi chú lại. - Ngày 10/6/2022 (nhằm ngày 12/5/2022 âm lịch) bà H có gửi tin nhắn xác nhận tổng số tiền 1.950.000.000 đồng mà gia đình bà N3 mượn vào nhóm zalo "TIỀN TÔM CHỊ PHONG", đây là nhóm trao đổi về giao dịch liên quan tiền vay giữa bà H và gia đình bà N3. Tiền lãi tính đến ngày 13/6/2022 (31 ngày) là 27.900.000 đồng.

Tổng cộng vốn vay 1.950.000.000 đồng + nợ lãi 143.200.000 đồng = 2.093.000.000 đồng. Đến ngày 11/7/2022, gia đình bị đơn đã chuyển khoản trả cho bà H 05 lần với số tiền là 2.000.000.000 đồng, còn 93.200.000 đồng các bên đã thanh toán xong.

Ngày 11/7/2022, chị Kim C gửi tin nhắn xác nhận việc trả tiền vào nhóm zalo "TIỀN TÔM CHỊ PHONG", liên tục với tin nhắn đó có 01 ảnh chụp là ghi chép của chị H ghi nhận lại số lãi đối với tiền gia đình bà N3 vay để trả nợ ngân hàng, 01 ảnh chụp là sổ ghi chép chung có liệt kê cả các khoản tiền vay ngân hàng và số tiền vay các nguyên đơn đang khởi kiện chia thành các dòng riêng biệt. Sau khi nhận được

hai ảnh chụp ghi chép xong thì Kim C nhắn trả lời "Dạ tiền lãi sáng con đem xún gửi ạ" thể hiện sự thừa nhận các khoản vay và lãi. Dòng ghi số tiền 3.880.000.000 10 05 22 có nội dung cuối dòng là "tiền có cộng lãi tháng 30tr" nội dung này phù hợp với Biên nhận anh Nguyễn Trần Minh N4 ghi và ký vào ngày 10/5/2022 mà các nguyên đơn căn cứ để khởi kiện.

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N3, anh Nguyễn Trần Minh N4, anh Nguyễn Trần Nhựt N5, chị Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền 4.673.233.600 đồng, gồm:

- Nợ gốc: 3.880.000.000 đồng + 155.000.000 đồng = 4.035.000.000 đồng.

- Nợ lãi:

+ Đối với số tiền nợ gốc 155.000.000 đồng yêu cầu tính lãi từ ngày 09/11/2023 cho đến nay với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 8.233.600 đồng.

+ Đối với số tiền nợ gốc 3.880.000.000 đồng yêu cầu tính lãi từ ngày 10/8/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 30.000.000 đồng/tháng, thành tiền là 630.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của các bị đơn bà Trần Thị N3, anh Nguyễn Trần Minh N4, anh Nguyễn Trần Nhựt N5, chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn "Chị P2" là bà Trần Thị N3.

Chị C và anh N4 có vay tiền của bà H với mức lãi suất từ 5% - 6% mỗi tháng và đã trả đủ tiền nợ gốc và lãi cho bà H. Đối với khoảng vay 3.880.000.000 đồng ngày 10/05/2022, anh N4 và chị C đã trả cho bà H 2.000.000.000 đồng vào ngày 11/07/2022 bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bà H, hiện khoản vay này anh N4 và chị C chỉ còn nợ 1.880.000.000 đồng. Đối với khoản vay 415.000.000 đồng ngày 10/05/2022, anh N4 và chị C đã trả 260.000.000 đồng còn nợ 155.000.000 đồng như nguyên đơn khởi kiện.

Anh N5 không liên quan đến những khoản vay nguyên đơn khởi kiện nên anh N5 không đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Trước đây, bà N3 có vay tiền của bà H với lãi suất từ 5% - 6% mỗi tháng nhưng bà N3 đã trả đủ tiền nợ gốc và lãi cho bà H. Việc anh Nguyễn Trần Minh N4 (con của bà N3) có nợ tiền của bà H không thì bà N3 không biết và không liên quan nên bà N3 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với lời trình bày của nguyên đơn, phía bị đơn có ý kiến như sau:

- Ngày 26/4/2022, bà N3 vay của bà H 600.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/6/2022 (47 ngày) là 56.400.000 đồng;

- Ngày 10/05/2022, bà N3 vay của bà H 150.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/6/2022 (33 ngày) là 9.900.000 đồng;

- Ngày 10/05/2022, bà N3 vay của bà H 500.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/6/2022 (33 ngày) là 33.000.000 đồng;

- Ngày 11/05/2022, bà N3 vay của bà H 250.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 13/6/2022 (32 ngày) là 16.000.000 đồng;

- Ngày 12/05/2022, bà N3 vay của bà H 450.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/6/2022 (31 ngày) là 27.900.000 đồng.

Tổng cộng vốn vay và tiền lãi là 1.950.000.000 đồng + 143.200.000 đồng = 2.093.000.000 đồng. Ngày 13/6/2022, anh N4 và chị C đã trả cho bà H 2.000.000.000 đồng tiền mặt (bà H có ghi nhận vào sổ tay của bà H), còn lại 93.200.000 đồng thì anh N4 và chị C đã trả vào ngày 16/6/2022 và có gửi tin nhắn vào zalo cho bà H, bà H có xác nhận vào tin nhắn này.

Ngày 10/5/2022, anh N4 có vay của bà H 3.880.000.000 đồng và 415.000.000 đồng, mục đích vay để anh N4 và chị C làm ăn, anh N4 có viết giấy biên nhận xác nhận việc vay tiền. Anh Nguyễn Trần Nhựt N5 và bà N3 không có vay số tiền này của bà H. Ngày 11/7/2022, anh N4 và chị C đã chuyển khoản cho bà H 05 lần với tổng số tiền 2.000.000.000 đồng thanh toán cho khoản vay 3.880.000.000 đồng và có trả 260.000.000 đồng (trả bằng tiền mặt hay chuyển khoản thì người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không rõ) cho khoản vay 415.000.000 đồng.

Bị đơn thừa nhận 02 biên nhận 10/5/2022 do anh N4 viết và ký tên khi vay của bà H số tiền vay 3.880.000.000 đồng và 415.000.000 đồng. Sau khi chuyển khoản cho bà H 2.000.000.000 đồng thì anh N4 có yêu cầu bà H cập nhật vào sổ theo dõi nhưng vì lý do gì đó bà H chưa cập nhật nên sổ theo dõi nợ của bà H vẫn còn để trống 02 khoản nợ này.

Anh N4 và chị C thừa nhận hiện nay còn nợ bà H số tiền 2.035.000.000 đồng (gồm 1.880.000.000 đồng của khoản vay 3.880.000.000 đồng và 155.000.000 đồng của khoản vay 415.000.000 đồng) và anh chị đồng ý liên đới trả cho gia đình bà H số tiền là nợ gốc 2.035.000.000 đồng và tiền lãi như sau:

- Đối với khoản vay 1.880.000.000 đồng, lãi suất 0,77% /tháng, tính từ ngày 10/8/2022 đến nay là 313.164.133 đồng.

- Đối với khoản vay 155.000.000 đồng, lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày khởi kiện đến nay là 8.233.600 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: mua tôm thịt để bán lại là việc làm ăn chung của gia đình bà N3, bà N3 là người trực tiếp quản lý, mục đích các bị đơn vay tiền là để thu mua tôm thịt. Nếu có hộ dân nào bán

tôm thì bà N3 sẽ thay mặt gia đình điện thoại cho bà H hỏi vay tiền, nếu bà H đồng ý thì sẽ cho vay bằng hình thức chuyển khoản hoặc anh N5, anh N4, chị C, bà N3 đến nhà bà H để nhận tiền mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2024/DS-ST ngày 30 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N và chị Ngô Hồng Ngọc N1. Buộc bà Trần Thị N3, anh Nguyễn Trần Minh N4, anh Nguyễn Trần Nhựt N5, chị Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới trả cho của bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N và chị Ngô Hồng N Ngân số tiền 4.673.233.600 đồng, trong đó: nợ gốc 4.035.000.000, nợ lãi 638.233.600 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/6/2024, bị đơn bà Trần Thị N3, anh Nguyễn Trần Minh N4, anh Nguyễn Trần Nhựt N5, chị Nguyễn Thị Kim C kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: nguyên đơn thừa nhận quá trình vay mượn tiền, bà H và gia đình bà N3 thỏa thuận mức lãi suất là 5% - 6%/tháng. Số tiền vay 4.800.000.000 đồng và 415.000.000 đồng là khoản vay riêng của anh N4 và chị C, thể hiện ở việc anh N4 là người ký tên vào biên nhận vay tiền, tiền lãi của các khoản vay này cũng không phải mức lãi suất gia đình bà N3 thỏa thuận với bà H. Bà N3 và anh N5 không biết, không liên quan đến các khoản vay này đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Trần Thị N3 và anh Nguyễn Trần Nhựt N5 có nghĩa vụ liên đới cùng anh Nguyễn Trần Minh N4, chị Nguyễn Thị Kim Chi T3 nợ.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: phía bị đơn thừa nhận giữa gia đình bị đơn và bà H có xác lập giao dịch vay tiền nhiều lần trong thời gian dài để phục vụ hoạt động mua bán tôm thịt, khi cần tiền thu mua tôm thì bà N3 sẽ đại diện gia đình điện thoại cho bà H vay tiền, tất cả các bị đơn đều có thể đến gặp bà H để nhận tiền vay. Trong quá trình giao dịch, bà H thường không yêu cầu bị đơn viết biên nhận nợ mà việc vay tiền được cập nhật trong nhóm zalo chung tên "chị P2", tất cả các bị đơn đều có tham gia nhóm zalo này. Đối với các khoản tiền vay 3.800.000.000 đồng và 415.000.000 đồng ngày 10/5/2022 do cùng thời điểm này gia đình bà N3 có vay các khoản tiền khác của bà H để trả nợ ngân hàng nên khi anh N4 đến nhận tiền bà H yêu cầu anh N4 viết biên nhận. Căn cứ các

ảnh chụp tin nhắn, ghi âm hội thoại với bà N3 thể hiện các khoản vay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả đều được cập nhật trong nhóm "chị P2" của gia đình bà N3 nếu các khoản vay này là của cá nhân anh N4, chị C thì sẽ không ghi trong nhóm này, nên có cơ sở xác định số tiền nguyên đơn yêu cầu bà N3, anh N5, anh N4, chị C liên đới trả được phía gia đình bà N3 vay sử dụng chung cho hoạt động kinh doanh của gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị N3, anh Nguyễn Trần Minh N4, anh Nguyễn Trần Nhựt N5, chị Nguyễn Thị Kim C; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đặng Thị Hồng H chết ngày 25/5/2023, cha của bà H là ông Đặng Văn P1, chết ngày 12/11/2020; trước khi chết, bà H không có đăng ký kết hôn với ai. Hàng thừa kế thứ nhất của bà H gồm bà Hồ Thị P (mẹ của bà H), chị Ngô Hồng Như N, chị Ngô Hồng Ngọc N1 (các con của bà H).

[2] Theo nguyên đơn ngày 10/5/2022, bà H có cho các bị đơn bà Trần Thị N3, anh Nguyễn Trần Minh N4, anh Nguyễn Trần Nhựt N5, chị Nguyễn Thị Kim C (chị C là vợ anh N4; anh N4 và anh N5 là con bà N3) vay tiền, gồm: khoản vay 3.880.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 30.000.000 đồng/tháng và khoản vay 415.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 03 tháng, mục đích vay để thu mua tôm thịt. Hết thời hạn 03 tháng (ngày 10/8/2022), gia đình bà H nhiều lần yêu cầu các bị đơn trả tiền nhưng các bị đơn chỉ trả được 260.000.000 đồng của khoản vay 415.000.000 đồng (gồm 250.000.000 đồng trả ngày 23/6/2022 và 10.000.000 đồng trả ngày 20/8/2022) còn nợ 155.000.000 đồng; khoản vay 3.880.000.000 đồng chưa trả tiền vốn, lãi. Từ ngày 20/8/2022 đến nay các bị đơn không trả lãi, vốn vay cho bà H. Bà H đã chết nên các nguyên đơn là người thừa kế của bà H yêu cầu bà Trần Thị N3, anh Nguyễn Trần Minh N4, anh Nguyễn Trần Nhựt N5, chị Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền 4.673.233.600 đồng (gồm: nợ gốc 4.035.000.000 đồng, nợ lãi 638.233.600 đồng).

Anh Nguyễn Trần Minh N4 và chị Nguyễn Thị Kim C thừa nhận có vay của bà Đặng Thị Hồng H số tiền 4.295.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày nhưng anh N4, chị C đã trả cho bà H 2.260.000.000 đồng (gồm: 2.000.000.000 đồng chuyển khoản trả ngày 11/7/2022 cho khoản vay 3.880.000.000 đồng; trả 250.000.000 đồng ngày 23/6/2022 và 10.000.000 đồng ngày 20/8/2022 cho khoản vay 415.000.000 đồng), hiện nay còn nợ bà H là 2.035.000.000 đồng (gồm 1.880.000.000 đồng của khoản vay 3.880.000.000 đồng và 155.000.000 đồng của khoản vay 415.000.000 đồng). Anh N4 và chị C đồng ý liên đới trả cho các nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.035.000.000 đồng và tiền lãi là 321.397.733 đồng.

Anh Nguyễn Trần Nhựt N5 và bà Trần Thị N3 cho rằng không có vay tiền của bà H, số tiền nguyên đơn yêu cầu là khoản vay cá nhân của anh N4 và chị C vay để làm ăn nên bà N3 và anh N5 không đồng ý liên đới cùng anh N4 và chị Chi T3 nợ.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự thống nhất việc vay tiền giữa gia đình nguyên đơn với gia đình bị đơn diễn ra trong nhiều năm, thường xuyên, có khi một ngày gia đình bị đơn vay tiền nhiều lần để bổ sung vốn thu mua tôm thịt, từ đó các bên thống nhất tạo Zalo nhóm để thuận tiện theo dõi, mỗi lần vay tiền, trả tiền thì bà H đều nhắn trong Zalo của nhóm.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: sổ theo dõi nợ ở góc phải có ghi chữ "CHỊ PHONG ĐÒ", sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng từ ngày 11/7/2022 đến ngày 11/7/2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 Chi nhánh Đ2, 02 giấy có ghi "Chị P2", 02 bản gốc "Biên nhận" ngày 10/5/2022 và bảng lược ghi nội dung ghi âm ngày 22/4/2024 được người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận và các đương sự cũng thống nhất nội dung trong các tài liệu, chứng cứ có ghi "CHỊ PHONG ĐÒ", "CHỊ P2", "Chị P2" nêu trên là do bà H theo dõi khi bị đơn vay tiền; tất cả các khoản vay bà H đều ghi rõ số tiền vay, ngày vay, ngày trả, số ngày vay và số tiền phải trả lãi.

Theo sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng từ ngày 01/6/2022 đến ngày 21/9/2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 Chi nhánh Đ2 thể hiện: "… *lúc 13:45:30 đến 13:46:33 ngày 11/7/2022 chị C có chuyển khoản 05 lần (mỗi lần 400.000.000 đồng) vào tài khoản của chị H với số tiền là 2.000.000.000 đồng...*"

Và căn cứ 03 bản chụp tin nhắn do bị đơn cung cấp, thể hiện: lúc 13:48 ngày 11/7/2022 chị C có nhắn tin cho bà H *"Con Ck dì8 5lan * 400trieu = 2tỷ" "Chuyển nhanh bị lỗi nên con chuyển thường" "8 nhận được tiền trả lời tin nhắn dùm con ạ",…* 14:35 ngày 11/7/2022 bà H nhắn lại "*Chưa thấy, Đ nhận đc tám báo. Chuyển kiểu này K biết chiều có k nữa*", 14:36 ngày 11/7/2022 chị C nhắn lại "*Dạ" "Còn chuyển napas k chuyển được ạ*", lúc 21:32 ngày 11/7/2022 bà H có chụp màn hình

điện thoại gởi vào nhóm Zalo "TIỀN TÔM CHỊ PHONG" thông báo có nhận 2.000.000.000 đồng và chụp gởi 02 bảng kê như sau:

"Chị P2"

- 600tr: 26.04.22- 13.06.22 x 47ng = 56400;

- 150tr: 10.05.22-13.06.22 x 33ng= 9.900;

- 500tr:10.05-13.06.22 x 33ng= 33.000;

- 250tr: 11.05-13.06.22 x 32 ng = 1600;

- 450tr 12.05-13.06.22 x 31ng = 27.900

143.200

+ 1.950.000

2.093.200

Gửi - 2000000

Còn thiếu: 93.200.000".

"CHỊ PHONG ĐÒ"

- 300.000.000 02.05.22 03.05.22 600;

- 150.000.000.10.05.22 13.06.22 9900;

- 500.000.000 10.05.22 13.06.22 3300;

- 250.000.000 11.05.22 13.06.22 1600;

- 450.000.000 12.05.22 13.0622 27900;

- 300.000.000 12.05.22 13 06 22 4200;

- 250.000.000 22.05.22 29.05. 22 4000;

- 300.000.000 24.5.22 29.05.22 2000;

- 3.880.000.000 10.05.22 Tiền có cộng lãi đóng tháng 30tr

- 415.000.000 10.05.22

- 300.000.000 06/06.22.

- 93.200.000 13.06.22. T[1] lãi.

Và lúc 21:36 ngày 11/7/2022 chị C có nhắn lại "*Dạ tiền lãi sáng con đem xún gửi ạ*"….

Như vậy, từ những chứng cứ nêu trên, có cơ sở xác định khoản vay 3.880.000.000 đồng và khoản vay 415.000.000 đồng ngày 10/5/2022 là khác với khoản vay 1.950.000.000 đồng. Khoản vay 3.880.000.000 đồng và 415.000.000

đồng, anh N4 có viết Biên nhận ngày 10/5/2022 cho bà H. Còn khoản vay 1.950.000.000 đồng thì bà H có theo dõi riêng và đã có ghi rõ từng khoản vay, đồng thời số tiền 2.000.000.000 đồng mà chị C chuyển khoản cho bà H ngày 11/7/2022 (nhằm ngày 13/6/2022 âm lịch) là trả cho khoản vay 1.950.000.000 đồng + tiền lãi của khoản vay 1.950.000.000 đồng này là 143.200.000 đồng, tổng vốn, lãi 2.093.200.000 đồng, đã trả 2.000.000.000 đồng, còn lại 93.200.000 đồng. Do đó, bị đơn cho rằng chuyển khoản trả 2.000.000.000 đồng (5 lần ngày 11/7/2022) để trả cho khoản vay 3.880.000.000 đồng là không có cơ sở.

Hơn nữa, đối với số tiền lãi 93.200.000 đồng nêu trên, căn cứ bản gốc có ghi chữ mực đỏ "CHỊ PHONG" ở góc phải (do nguyên đơn cung cấp) và sổ theo dõi nợ ở góc phải có ghi chữ "CHỊ PHONG ĐỎ" (do bị đơn cung cấp), thể hiện: 02 ngày sau là ngày 15/6/2022 bị đơn đã trả cho bà H và sau đó bà H có cập nhật với nội dung:...*93.200.000 13.06.22 15.06.22 T[1] lãi (Rồi)*, còn 02 khoản nợ vay 3.880.000.000 đồng và 415.000.000 đồng thì bà H chưa cập nhật vẫn còn để trống… Quá trình tố tụng, các bên thừa nhận đối với khoản vay 415.000.000 đồng, bị đơn đã trả 260.000.000 đồng, còn nợ 155.000.000 đồng. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay 3.880.000.000 đồng + 155.000.000 đồng = 4.035.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về lãi suất: các đương sự thống nhất lãi suất thỏa thuận khi vay tiền đối với khoản vay 3.880.000.000 đồng là 30.000.000 đồng/tháng (0,77%/tháng), khoản vay 415.000.000 đồng là 0,83%/tháng, mức lãi suất này không vượt quá quy định pháp luật nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi 638.233.600 đồng là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm liên đới: tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn thừa nhận "… *việc vay tiền giữa gia đình bị đơn với bà H để làm ăn chung gia đình, các bị đơn cùng sống chung nhà, khi có hộ dân nào bán tôm thì bà N3 sẽ thay mặt gia đình điện thoại cho bà H để hỏi vay tiền, nếu bà H đồng ý thì sẽ cho vay bằng hình thức chuyển khoản hoặc anh N5, anh N4, chi C, bà N3 sẽ đến nhà bà H để nhận tiền mặt, bà N3 trực tiếp quản lý tất cả*...". Hơn nữa, tại bảng lược ghi nội dung ghi âm ngày 22/4/2024 trang 7, bà N3 (khi đối đáp với ông Ngô Đức T4, chị Ngô Hồng Như N) cũng thừa nhận "…*Biết rồi lúc đó chị bị mắc cái gì mượn trả tiền nhà nước thì vợ em cho mượn ba tỷ mấy á thì nó mới biểu mấy này... Có dì nhớ là có mượn gì mà trật hiện giờ có thiếu nhà nước ba tỉ mấy mà không mượn mẹ con thì mượn đâu, mượn mẹ con nói chúng, dì nói chung dì dượng*...". Như vậy, việc bà N3 và anh N5 cho rằng không liên quan đến khoản nợ nêu trên là không phù hợp.

Từ những căn cứ trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: kháng cáo không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị N3, anh Nguyễn Trần Minh N4, anh Nguyễn Trần Nhựt N5, chị Nguyễn Thị Kim C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 463, 466, 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N và chị Ngô Hồng Ngọc N1.

Buộc bà Trần Thị N3, anh Nguyễn Trần Minh N4, anh Nguyễn Trần Nhựt N5, chị Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho của bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N và chị Ngô Hồng N Ngân số tiền 4.673.233.600 đồng (bốn tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu hai trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng), trong đó nợ gốc 4.035.000.000 đồng (bốn tỷ không trăm ba mươi lăm triệu đồng), nợ lãi 638.233.600 đồng (sáu trăm ba mươi tám triệu hai trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho bà Hồ Thị P, chị Ngô Hồng Như N và chị Ngô Hồng Ngọc N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.182.500 đồng (năm mươi sáu triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0000386 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Buộc bà Trần Thị N3, anh Nguyễn Trần Minh N4, anh Nguyễn Trần Nhựt N5, chị Nguyễn Thị Kim C phải liên đới nộp 112.673.233 đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Trần Thị N3, anh Nguyễn Trần Minh N4, anh Nguyễn Trần Nhựt N5, chị Nguyễn Thị Kim C mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001399 ngày 14/6/2024 và 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001488 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Rẻn